

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **971/2023/HNGĐ-PT**
Ngày: 21-9-2023
V/v Tranh chấp về tài sản chung
sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.
Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan.
Bà Quách Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 388/2023/HNGĐ-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3149/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11528/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 551/240 Đường E1, phường I1, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: 55/17/7 Đường E2, Phường I2, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi ở hiện nay: Khu phố U, thị trấn G, tỉnh L.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị T: Luật sư Phan Văn N – Công ty Luật TNHH MTV N2 (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Đặng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Ông và bà Đặng Thị T đã ly hôn năm 2022 (Bản án số: 511/2022/HNGĐ-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân quận M2). Nhà và đất tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do cha của ông là ông Nguyễn Văn S (chết năm 1991) và mẹ là bà Nguyễn Thị A (chết năm 1994) tạo dựng từ trước năm 1975. Năm 2001 ông được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 933/2001 ngày 17/01/2001, tờ khai trước bạ di sản ngày 21/3/2001 do ông đại diện đứng khai trình cùng với đồng sở hữu di sản là chị ruột Nguyễn Thị Thanh N1. Năm 1996 ông đăng ký kết hôn với bà Đặng Thị T, ngày 06/11/2003 ông và bà T có ký Hợp đồng mua bán nhà (một phần) số 07861/HĐ-MBN tại Phòng công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển nhượng phần bà N1 được hưởng thừa kế của bố mẹ ông. Như vậy, phần sở hữu của ông tại căn nhà là $\frac{3}{4}$ giá trị (2/4 phần từ hưởng di sản thừa kế và $\frac{1}{4}$ phần từ tài sản chung của ông và bà T). Ông và bà T đã ly hôn nên ông yêu cầu được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị căn nhà trên, giá trị nhà tạm tính là 6.000.000.000 đồng.

Năm 2016, ông và bà T có vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Y thế chấp bằng căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là người trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng, dư nợ hiện tại khoảng 300.000.000 đồng ông yêu cầu trừ số nợ này sau đó chia như ông yêu cầu ở trên.

Bị đơn – bà Đặng Thị T trình bày: Ông V yêu cầu chia cho bà $\frac{1}{4}$ giá trị nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bà không đồng ý do bà có công sức rất lớn trong việc gìn giữ căn nhà, bà cũng vay tiền để cho ông V làm ăn. Hiện con trai đang ở căn nhà này nên bà cũng muốn giữ căn nhà cho con ở, làm nơi thờ cúng ông bà, gia đình tụ tập. Số tiền vay Ngân hàng ông V dùng để làm ăn và trả Ngân hàng hàng tháng nên khoản nợ này ông V phải chịu trách nhiệm, bà không chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đặng Khắc C trình bày: Ông không có đóng góp gì trong quá trình hình thành căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nên không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Bà Đinh Thị H là Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngân hàng có cấp hạn mức tín dụng 500.000.000 đồng cho ông V, bà T, tài sản bảo đảm cho khoản vay là căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 14/12/2022 dư nợ gốc là 284.771.833 đồng chưa kể lãi phát sinh. Nay ông V khởi kiện yêu cầu chia tài sản đối với căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên Ngân hàng có Đơn yêu cầu độc lập yêu cầu ông V, bà T phải tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký và buộc ông V, bà T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng. Ngày 05/4/2023, ông V, bà T đã thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, nên đối tượng tranh chấp của vụ án không còn liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng nên đề

ngiht Tòa án không triệu tập Ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giải quyết vắng mặt Ngân hàng trong các buổi làm việc, xét xử vụ án nêu trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V trình bày: Ông yêu cầu được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do $\frac{2}{4}$ giá trị tài sản ông được hưởng từ thừa kế của cha mẹ, $\frac{1}{4}$ còn lại là phần ông mua lại của chị gái là Nguyễn Thị Thanh N1. Ông không nhớ giá khi mua là bao nhiêu tiền nhưng tiền mua căn nhà ông là người trả cho bà N1, quá trình ông và bà T ở trong căn nhà này không có sửa sang gì lớn chỉ có nâng nền, lợp lại mái tôn. Quá trình giải quyết vụ án ông có yêu cầu Tòa án định giá tài sản, ông tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản và đồng ý với giá trị tài sản đã định, ông yêu cầu nhận nhà và trả lại bà T $\frac{1}{4}$ giá trị nhà theo như định giá. Đối với khoản vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng ông dùng để kinh doanh và chăm lo cho gia đình, hàng tháng ông là người trả tiền cho Ngân hàng, đến ngày 05/4/2023 ông đã thanh toán cho Ngân hàng 273.008.314 đồng để tất toán cho khoản vay này. Đối với số tiền đã trả cho Ngân hàng trước đó và 273.008.314 đồng tất toán ngày 05/4/2023 ông không yêu cầu bà T phải trả lại cho ông. Ông xin rút lại yêu cầu được trả lại số tiền đã tất toán cho Ngân hàng trước khi chia tài sản của ông và bà T.

Bị đơn – bà Đặng Thị T trình bày: Nguồn gốc căn nhà 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đúng là của cha mẹ ông V, sau này bà và ông V mua lại một phần căn nhà của bà N1 (chị gái ông V) giá 120.000.000 đồng, tiền này bà là người trả cho bà N1, số tiền mua khi đó bằng 20 cây vàng, và khi ở tại nhà này bà đã bỏ công sức, tiền của để giữ gìn, tôn tạo, hiện tại bà đang phải lo cho hai con trai, hai cháu nội và con dâu nên muốn giữ lại căn nhà này để ở, nếu phải chia bà yêu cầu được $\frac{1}{2}$ giá trị do bà cũng đứng tên sở hữu căn nhà, có công giữ gìn. Bà có cùng ông V ký vay Ngân hàng 500.000.000 đồng, số tiền này ông V dùng để làm ăn không chăm lo cho gia đình lẽ ra bà còn yêu cầu ông V phải chia cho bà lợi nhuận từ kinh doanh nhưng nay ông V không yêu cầu bà phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay này nên bà không yêu cầu nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 388/2023/HNGĐ-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218; Điều 228; Điều 244; Khoản 2 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào các Điều 43; Khoản 1 Điều 44; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn của Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V.

1.1. Ông Nguyễn Hồng V được chia $\frac{3}{4}$ và bà Đặng Thị T được chia $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản của thửa đất số: 434; Tờ bản đồ số 3 (sơ đồ nền) tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 933/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2001 tại thời điểm thi hành án.

1.2. Giao cho ông Nguyễn Hồng V được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số: 434; Tờ bản đồ số 3 (sơ đồ nền) tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 933/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2001 ngay khi ông Nguyễn Hồng V thanh toán đầy đủ cho bà Đặng Thị T giá trị tài sản được chia sau khi trừ các chi phí, lệ phí theo quy định và được liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền đăng ký xác lập quyền sở hữu và chấp hành chủ trương chính sách về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Đình chỉ yêu cầu được trả lại số tiền đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Y trước khi chia tài sản chung của ông Nguyễn Hồng V.

1.4. Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hồng V tự nguyện chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) chi phí định giá tài sản. Chi phí này ông Nguyễn Hồng V đã nộp.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng V phải chịu 77.725.487 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi bảy) án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào 56.137.500 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032080 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hồng V còn phải nộp thêm 21.587.987 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi bảy) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị T phải chịu 54.862.743 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi ba) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 09/5/2023, Bị đơn bà Đặng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án nói trên với những lý do sau: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ do bị đơn cung cấp, cũng như lời khai tại toà, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm bà T xác định lại yêu cầu kháng cáo của bà là xin được mua lại căn nhà số 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để có nơi ở và làm kỷ niệm, bà sẽ đưa lại cho ông V số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng V trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn, cụ thể: Tài sản của ông và bà T sau khi ly hôn chưa chia là thửa đất số: 434; Tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc căn nhà trên là di sản thừa kế của cha mẹ ông V chết để lại cho ông V và chị gái là bà Nguyễn Thị Thanh N1, sau đó ông V đã thỏa thuận với chị gái là bà N1 để mua lại phần thừa kế của bà N1 đối với căn nhà trên và đã ký hợp đồng mua bán phần sở hữu này, trong quá trình chung sống với bà Trọng ông có thể chấp căn nhà trên cho Ngân hàng để vay 500.000.000 đồng để kinh doanh nay ông đã tất toán xong khoản nợ này với Ngân hàng. Việc ông và bà T đã ly hôn năm 2022 nhưng chưa chia tài sản trong thời kỳ trong thời kỳ hôn nhân, nay ông mong muốn có sự phân chia rõ ràng để ổn định cuộc sống, theo ông Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Đặng Thị T trình bày: Trong quá trình chung sống với ông V bà đã có công tu sửa, tôn tạo căn nhà trên đồng thời sau khi ly hôn bản thân bà và các con rất khó khăn về chỗ ở, bà T và các con của bà mong muốn được mua lại căn nhà trên làm kỉ niệm với giá 3.000.000.000 đồng, tuy nhiên yêu cầu này không được ông V chấp nhận tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T có ý kiến: Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, tuy nhiên đề nghị thẩm định giá lại giá trị tài sản đối với căn nhà đang tranh chấp trên để đảm bảo quyền lợi cho bà T; Bà T sau đó rút lại yêu cầu này tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị T làm trong hạn luật định.

Về nội dung: Việc bà Đặng Thị T kháng cáo yêu cầu được mua lại căn nhà trên với giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ) đồng nhưng không được ông V đồng ý nên không có cơ sở để xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 43; Khoản 1 Điều 44; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án tranh chấp trên là phù hợp pháp luật. Việc bà Đặng Thị T kháng cáo không có chứng minh và yêu cầu không được phía nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng V chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Đặng Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị T làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại cấp sơ thẩm đã xác định không còn quyền và nghĩa vụ liên quan cũng như căn nhà số 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay để trống không có ai đang quản lý, sử dụng nên cấp phúc thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo:

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm căn cứ nguồn gốc của tài sản của ông V và bà T sau khi ly hôn chưa chia là thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cha mẹ ông V chết để lại cho ông V và chị gái là bà Nguyễn Thị Thanh N1, sau đó ông V đã thỏa thuận với chị gái là bà N1 để mua lại phần thừa kế của bà N1 đối với căn nhà trên và đã ký hợp đồng mua bán phần sở hữu này đã tuyên xử ông V được chia $\frac{3}{4}$ và bà T được chia $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản của thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, đúng qui định pháp luật bởi lẽ tài sản này là di sản thừa kế do cha mẹ ông chết để lại cho chị em của ông V chứ không phải là tài sản do chính ông và bà T tự tạo lập trong thời kỳ hôn nhân

Hội đồng xét xử xét nhận thấy, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm; Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ nguồn gốc của tài sản của ông và bà T sau khi ly hôn chưa chia là $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử ông V được chia $\frac{3}{4}$ và bà T được chia $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản của thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, đúng qui định pháp luật bởi lẽ tài sản này là di sản thừa kế do cha mẹ ông chết để lại cho chị em của ông V chứ không phải là tài sản do chính ông V và bà T tự tạo lập trong thời kỳ hôn nhân mà đã có trước thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T. Mặt khác bà T không chứng minh được công sức đóng góp cụ thể như thế nào vào khối tài sản này; Việc bà T kháng cáo yêu cầu được mua lại căn nhà trên với giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ) đồng nhưng không được ông V đồng ý, xét việc dân sự phải dựa trên ý chí, nguyện vọng và sự thỏa thuận của các bên trong khuôn khổ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Việc đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27, 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T.

2/ Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 388/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn của Nguyên đơn – ông Nguyễn Hồng V.

Ông Nguyễn Hồng V được chia $\frac{3}{4}$ và bà Đặng Thị T được chia $\frac{1}{4}$ giá trị tài sản của thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3 (sơ đồ nền) tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 933/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2001 tại thời điểm thi hành án.

Giao cho ông Nguyễn Hồng V được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 434, tờ bản đồ số 3 (sơ đồ nền) tọa lạc tại 126/16 Đường E, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 933/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2001 ngay khi ông Nguyễn Hồng V thanh toán đầy đủ cho bà Đặng Thị T giá trị tài sản được chia sau khi trừ các chi phí, lệ phí theo quy định và được liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền đăng ký xác lập quyền sở hữu và chấp hành chủ trương chính sách về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đình chỉ yêu cầu được trả lại số tiền đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Y trước khi chia tài sản chung của ông Nguyễn Hồng V.

2.2/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hồng V tự nguyện chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) chi phí định giá tài sản. Chi phí này ông Nguyễn Hồng V đã nộp.

3/ Về án phí dân:

3.1/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hồng V phải chịu 77.725.487 đồng (Bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm tám mươi bảy) án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào 56.137.500 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032080 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hồng V còn phải nộp thêm

21.587.987 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm tám mươi bảy) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị T phải chịu 54.862.743 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi ba) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0009233 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận M2, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận M2, TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

